

Bản án số: **154/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 07-02-2022
Về việc tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Huệ Tú.
Bà Nguyễn Thị Nở.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:
Bà Đào Thị Xuân Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 136/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 103/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2022; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1988; địa chỉ: Số X đường D, phường P, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông C, sinh năm 1970; Quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan); địa chỉ: Đài Loan.

(Các đương sự vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng L trình bày:

Thông qua mai mối, bà và ông C tìm hiểu rồi tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số X1 do Ủy ban nhân dân Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 3 năm 2020. Trong thời gian chung sống 01 tuần tại Việt Nam,

do rào cản về ngôn ngữ, văn hóa dẫn đến vợ chồng bà thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Sau đó, ông C trở về Đài Loan, vợ chồng có liên hệ với nhau qua điện thoại nhưng vẫn tiếp tục cãi vã, mâu thuẫn. Từ tháng 10 năm 2020 đến nay hai người không còn quan tâm đến nhau. Bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông C.

Về con chung: Bà và ông C không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông C không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 24 tháng 11 năm 2021 (Đã được Văn phòng Kinh tế - Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc chứng nhận/hợp pháp hóa lãnh sự ngày 09 tháng 12 năm 2021), bị đơn ông C trình bày tương tự lời trình bày của nguyên đơn và đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Hồng L. Về con chung, tài sản chung, nợ chung ông C xác định giữa ông và bà L không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm có nêu: Thẩm phán, các thành viên Hội đồng xét xử sơ thẩm, các đương sự trong vụ án đã thực hiện đầy đủ quy định pháp luật về tố tụng dân sự; quan hệ tranh chấp của vụ án đã được xác định đúng, chứng cứ được thu thập hợp lệ; vụ án có yếu tố nước ngoài, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền; thủ tục ủy thác tư pháp đã được tiến hành hợp lệ. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Tòa án giải quyết vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật. Đề xuất về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn giải quyết cho ly hôn; về con chung, tài sản chung và nợ chung nguyên đơn và bị đơn xác định không có, không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ giấy chứng nhận kết hôn cùng lời trình bày của các đương sự tại bản khai, có cơ sở để xác định đây là vụ án tranh chấp về ly hôn. Bị đơn trong vụ án là ông C hiện đang cư trú tại Đài Loan, bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng L cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Khoản 1 Điều 37 và Điểm c Khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trước khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 và 3 Điều 228, Khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm quyết định xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn và bị đơn; Giấy chứng nhận kết hôn số X1 do Ủy ban nhân dân Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 3 năm 2020, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Hồng L và ông C được xác lập trên cơ sở tự nguyện là hợp pháp.

Theo trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng L và bị đơn ông C thì hai người chỉ thực tế chung sống trong khoảng thời gian ngắn ngủi, do khác biệt về ngôn ngữ, văn hóa dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Sau khi kết hôn khoảng một tuần, ông C trở về Đài Loan, từ tháng 10 năm 2020 đến nay mọi liên hệ giữa hai người chấm dứt; khoảng cách về địa lý dẫn đến cuộc sống hôn nhân không tồn tại, không thể đoàn tụ được. Để ổn định cuộc sống, bà Nguyễn Thị Hồng L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông C và ông C cũng đồng ý.

Xét thấy, hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Hồng L cùng ông C không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho bà Nguyễn Thị Hồng L ly hôn ông C như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[3] Về con chung: Các đương sự trình bày không có con chung, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Khoản 1 Điều 37, Điểm c Khoản 1 Điều 40, Điều 147, Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 và 3 Điều 228, Khoản 5 Điều 477, Khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 56, Điều 121 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

I. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng L:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Hồng L được ly hôn với ông C.

Giấy chứng nhận kết hôn số X1 do Ủy ban nhân dân Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 3 năm 2020 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Nguyên đơn trình bày không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

II. Án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đương sự đã nộp theo biên lai thu tiền số X2 ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, đương sự đã thi hành xong án phí sơ thẩm.

III. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng L có quyền kháng cáo để được xem xét lại vụ án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; bị đơn ông C cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để được xem xét lại vụ án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ

hoặc kể từ ngày bản án, quyết định được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND cấp cao tại Tp. HCM
- VKSND Tp. HCM;
- Cục THADS Tp. HCM;
- UBND Quận Q, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tuấn